

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI GỒM XD MỸ XUÂN  
SỐ 28/CV.GMX-2022**

**V/v: CBTT Nghị quyết, Biên bản Hội  
ĐHĐCĐ thường niên 2022 và các văn  
bản, tài liệu kèm theo.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc  
-----o0o-----**

**Vũng Tàu, Ngày 28 Tháng 04 năm 2022**

**Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT.
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố: Công Ty Cổ Phần Gạch ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28/04/2022. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính cụ thể như sau:
  - 6.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2022.
  - 6.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2022.
  - 6.3 Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
  - 6.4 Tờ trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ năm 2022 phục vụ cho dự án “ Nhà máy Gạch ngói Mỹ Xuân – Châu Đức”
  - 6.5 Báo Cáo của Ban Giám Đốc, HĐQT và Ban kiểm soát
  - 6.6 Điều lệ Công ty sửa đổi ngày 28/04/2022.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và các tài liệu kèm theo : [www.myxuan-vt.com.vn](http://www.myxuan-vt.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu:

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Lưu Thị Mai**

01/NQ.DHĐCĐ.2022

Hắc Dịch, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN**  
**PHIÊN HỌP NGÀY 28-04-2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch ngói gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
- Căn cứ vào biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT NGHỊ**

**1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:**

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	142.713.381.102	154.063.880.521	7,95%
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	-19,16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	-16,42%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441	-114,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	-14,30%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	-13,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	26%	30,00%
- Thanh toán Đợt 2/2019 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 1/2020 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 2/2020 (chia cổ phiếu tăng VDL)		20%	
- Thanh toán Đợt 1/2021 (thanh toán bằng tiền)		6%	

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

## 2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2021	So sánh % thực hiện với	
	Năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	250.726.509.754	85,35%	80,84%
Giá vốn hàng bán	181.561.142.035	146.758.015.312	168.224.305.110	87,24%	80,83%
Lợi nhuận gộp	83.168.300.772	67.239.104.951	82.502.204.644	81,50%	80,85%
Doanh thu HĐTC	293.353.520	383.011.607	150.000.000	255,34%	130,56%
Chi phí kinh doanh	48.408.011.113	38.322.781.508	50.622.204.644	75,70%	79,17%
Lợi nhuận kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	32.030.000.000	91,47%	83,58%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441			-14,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	32.030.000.000	91,82%	85,70%
Thuế thu nhập DN	7.254.254.887	5.962.761.838	6.406.000.000	93,08%	82,20%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	25.624.000.000	91,50%	86,64%

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

## 3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	
I	Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.401.700.441			
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.956.075.788			

2	Lợi nhuận sau thuế TNDN phát sinh năm 2021		23.445.624.653			
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>34.546.831.711</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
<b>1</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021</b>		<b>11.750.989.257</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
1.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.2	Chi cổ tức	55,9%	5.420.670.600	7.679.283.350	13.099.953.950	
1.2.1	- Bằng tiền (Đợt 1:6% VDL)	23,1%	5.420.670.600		5.420.670.600	
1.2.2	- Bằng tiền(Đợt 2:8,5% VDL)	32,8%		7.679.283.350	7.679.283.350	
1.3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	4.689.124.931		4.689.124.931	
1.4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	0	586.140.616	586.140.616	
1.5.1	- Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	2,5%		586.140.616	586.140.616	
1.5.2	- Trích thưởng (40 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2021)	0,0%			0	
1.6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	234.456.247		234.456.247	
<b>2</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</b>		<b>22.795.842.454</b>			

II/ Phân phối lợi nhuận II

2.1	Trích quỹ Thưởng HĐQT, BKS, BDH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2021 ngày 28/04/2021		113.857.394			Thưởng hoàn thành KHLN 2020
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		10.628.170.000			Tăng vốn điều lệ
2.3	Chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:50 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		12.053.815.060			Tăng vốn điều lệ
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>13.854.868.730</b>	<b>3.429.211.430</b>	<b>5.589.444.764</b>	
1	- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		2.160.233.334		2.160.233.334	
2	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	14,6%	11.694.635.396	3.429.211.430	3.429.211.430	3.663.667.677

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

#### 4. Kết quả đầu tư phát triển năm 2021.

\* Giá trị đầu tư năm 2021:

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Tên công trình, thiết bị	Giá trị kế hoạch		Thực hiện 2021	
		XDDD kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Giá trị hoàn thành sử dụng	XDDD cuối kỳ
<b>A</b>	<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>		<b>1.250.000.000</b>	<b>97.000.000</b>	
1	Sửa lò (Nung, sấy+ Mini ngói)		800.000.000		

2	Nền sân, nhà xưởng, muơng thoát..v..v		300.000.000		
3	Các công việc sửa chữa khác		150.000.000	97.000.000	
	- Máy ủi D155			97.000.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>24.265.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>
<b>I</b>	<b>Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Mỹ Xuân</b>	<b>1.277.548.829</b>	<b>20.465.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	
1	Lò sấy ngói DC1	106.562.870		106.562.870	
2	Hệ nghiền khô	1.170.985.959	14.190.563.000	13.395.118.144	
2.1	Thiết bị, lắp đặt	416.440.504	8.683.559.496	8.256.603.598	
	- Móng và thân hệ nghiền khô	416.440.504		416.440.504	
	- Hệ băng tải			224.648.958	
	- Hệ máy nghiền khô			7.615.514.136	
2.2	Trạm biến áp 800KVA và đường dây 22KV	754.545.455		754.545.455	
2.3	Mặt bằng, nhà bao bao che bãi chứa		4.284.000.000	4.383.969.091	
6	Nhà xưởng nối dài dây chuyền 3		900.000.000		
7	Nhà xưởng DC 2		648.000.000	682.640.000	
8	Xe cuốc 1.2 m3 (Xe đào)		1.500.000.000	1.131.818.182	
9	Xe xúc Komatsu 2,5 m3		1.300.000.000		
10	Xe ben chở đất nghiền		1.300.000.000	1.343.040.909	
11	Xe nâng 3.5 T		350.000.000		
12	Máy phay CNC + máy cắt dây		900.000.000	540.000.000	

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN

13	Máy ép cường độ gạch		100.000.000		
14	Khác		500.000.000		
<b>II</b>	<b>Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức</b>	<b>2.214.681.818</b>	<b>3.800.000.000</b>		<b>42.933.486.489</b>
1	Chi phí khảo sát lập bản đồ hiện trạng nhà máy	30.500.000			30.500.000
2	Chi phí khôi phục tọa độ, cắm mốc ranh giới (cắm 86 mốc)	43.272.727			43.272.727
3	Chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	2.000.000.000			2.000.000.000
4	Đường vào Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (khảo sát địa hình, lập BC KT-KT)	140.909.091			140.909.091
5	Nhà điều hành Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		300.000.000		181.953.164
6	Đường vào nhà máy (đất chuyển nhượng từ hộ dân)		3.500.000.000		2.677.500.000
7	Hạng mục đầu tư (theo Tổng dự toán đã thông qua ĐHĐCĐ 28/04/21)				37.859.351.507
	- Đất chuyển nhượng (từ hộ dân)				9.342.553.000
	- Chuyển nhượng DA Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (*)				10.608.754.000
	- Chuyển nhượng DA Nhà máy gạch ngói Châu Đức(*)				17.759.863.413
	- Chi phí Ban quản lý dự án				148.181.094
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>25.515.559.496</b>	<b>17.296.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>

(\*) Đây là khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến việc thực hiện chuyên nhượng Dự án Mỏ Sét; Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân..

**\* Đầu tư tài chính :**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu là 20.000 Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,500%/năm (năm 2020: 7,525%/năm).

*Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kết quả đầu tư phát triển năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.*

**5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
<b>I. Sản lượng sản xuất</b>	<b>Viên QTC</b>	<b>74.575.873</b>
<b>II. Sản lượng tiêu thụ</b>		
- Gạch xây dựng	Viên QTC	61.839.680
- Sản phẩm trang trí	Viên QTC	12.736.193
- Ngói màu	Viên QTC	3.100.000
- Sản phẩm trang trí thương mại	Viên QTC	389.600
- Sản phẩm tráng men	Viên QTC	459.000
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần (gồm doanh thu khác)	Đồng	235.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30.748.800.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25.624.000.000

*Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100%.*

**6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022**

*Đơn vị tính : Đồng*

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn lợi nhuận chưa phân phối		31.213.444.764	



1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022		25.624.000.000	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>21.110.757.000</b>	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	512.480.000	
3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	5.124.800.000	
4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	512.480.000	
5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	640.600.000	
6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	512.480.000	
7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	256.240.000	
8	Chi cổ tức bằng tiền (10% VDL sau phát hành cổ phiếu)	52,9%	13.551.677.000	VĐL dự kiến sau phát hành: 135.579.230.000VND
<b>III</b>	<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>			
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>10.102.687.764</b>	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	17,6,0%	4.513.243.000	2.733.824.424

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

#### 7. Kế hoạch Đầu tư phát triển 2022 :

\* Đầu tư xây dựng tại Nhà máy sản xuất Mỹ Xuân.

Đơn vị tính : Ngàn đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Sửa chữa		1		450.000	

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nền sân, nhà xưởng, mương thoát...v..v	Hệ	1	300.000	300.000	
2	Các công việc sửa chữa khác	Hệ	1	150.000	150.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>				<b>6.324.000</b>	
1	Hệ thống thoát nước DC1				1.294.000	
2	Nhà xưởng nổi dài DC3	m2	1200	800	960.000	
3	Xe xúc 2,5 - 3 m3	Cái	1	1.300.000	1.300.000	
4	Xe nâng 3.5 T	Cái	1	350.000	350.000	
5	Máy nén khí trục vít 30HP	Cái	1	120.000	120.000	
6	Máy phát điện 400 KVa	Cái	1	700.000	700.000	
7	Xi-lông lọc bụi hệ nghiền khô	Cái	1	600.000	600.000	
8	Máy cắt dây	Cái	1	400.000	400.000	
9	Máy ép cường độ gạch	Cái	1	100.000	100.000	
10	Khác				500.000	
<b>Tổng cộng (A + B)</b>					<b>6.774.000</b>	

\* Đầu tư xây dựng dự án Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức.

Đơn vị tính : đồng

Khoản mục		ĐVT	Ghi chú	Giá trị (có thuế)
<b>Phần A- Nhà máy</b>				
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị</b>			<b>130.001.231.444</b>
	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ		Theo bảng dự toán chi phí xây dựng	73.861.231.444
	Chi phí thiết bị		Theo bảng dự toán chi phí thiết bị	56.140.000.000
<b>2</b>	<b>Chi phí ban quản lý dự án</b>			<b>1.150.000.000</b>

<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>8.350.000.000</b>
	Chi phí đào tạo			200.000.000
	Chi phí chạy thử thiết bị CBTH và sấy lò			300.000.000
	Chi phí nghiệm thu, bàn giao, quyết toán			100.000.000
	Chi phí xin cấp điện, nước			50.000.000
	Chi phí lập hồ sơ hoàn công, tổng quyết toán			100.000.000
	Chi phí hệ thống PCCC			1.500.000.000
	Lãi vay trong thời gian xây dựng			6.100.000.000
<b>4</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		Theo Chi phí Xây dựng	<b>6.500.000.000</b>
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>A</b>		<b>146.001.231.444</b>
<b><u>Phần B- Mỏ sét</u></b>				
<b>1</b>	Chi phí xây dựng Đường mỏ sét		Hợp đồng số 25/HĐXD.GMX.2021	11.199.656.000
<b>2</b>	Chi phí quản lý dự án		Theo Chi phí Xây dựng	359.409.731
<b>3</b>	Chi phí dự phòng		Theo Chi phí Xây dựng	133943.582
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>B</b>		<b>11.693.009.313</b>
<b>Tổng giá trị đầu tư ( A + B )</b>				<b>157.694.240.757</b>

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

#### **8. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.**

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2022 là : **920.000.000** đồng (Chín trăm hai mươi triệu đồng).

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### **9. Thông qua mức thưởng đối với HĐQT, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty Ban điều hành gồm: Ban Tổng Giám Đốc – Kế Toán Trưởng – Trưởng phó các Phòng Ban Xưởng SX**

Nội dung thưởng	Mức thưởng
a. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2021	2.5% Lợi nhuận sau thuế
b. Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2021	40% Lợi nhuận vượt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế)

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 10. Thông qua danh sách giao dịch với các Công ty liên quan.

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Loại hình giao dịch
01	Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Mã số : 3500870374; Đ/c KP Suối nhum, Phường Hắc dịch, TX Phú mỹ, BRVT	Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng và mua bán sản phẩm
02	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Mã số : 3400518578; Đ/c Thôn An bình, Xã Sông phan, Huyện Hàm tân, Tỉnh Bình Thuận	Cung cấp phụ tùng vật tư và mua bán sản phẩm
03	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Gia Thy	Mã số : 0302999130; Đ/c 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
04	Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Mã số : 3501751524; Đ/c 40/6/1B Đường Lê Hồng Phong, P4 TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm
05	Công Ty TNHH ĐT TM DV Lưu Kiến Lộc	Mã số : 3502255409, Đ/c Tổ 22 ấp thị vải, phường mỹ xuân, thị xã phú mỹ, tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.

Giao quyền chủ động Ban Kiểm Soát xem xét giới thiệu đơn vị có chức năng nằm trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán niêm yết của UBCK Nhà nước công nhận.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 12. Thông qua tờ trình chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng Vốn Điều lệ năm 2022

- Thời gian dự kiến phát hành từ quý III đến quý IV năm 2022

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

**13. Sửa đổi điều lệ.**

- Điều chỉnh vốn điều lệ từ 53.206.940.000 đồng lên 90.406.970.000 đồng.
- Điều chỉnh ngành nghề đăng ký đầu tư mã số 4659 cụ thể.

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh
5	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

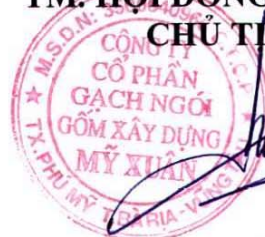
Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được các đại biểu tham dự cuộc họp nhất trí biểu quyết thông qua **100%** vào hồi **11<sup>h</sup>45** ngày 28 tháng 4 năm 2022.

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**  
**Công ty cổ phần gạch ngói gốm XD Mỹ Xuân**

**Chủ tọa**

(Ký tên, đóng dấu)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**DƯ QUỐC TRUNG**

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân

Hôm nay, Lúc **08<sup>h</sup>00** ngày **28** tháng **4** năm **2022**. Tại trụ sở chính của Công Ty địa chỉ : Khu Phố Suối Nhum - Phường Hắc Dịch - Thị Xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT, tiến hành phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân.

Tên Công Ty : **Công ty cổ phần Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân**

Mã chứng khoán : **GMX**

Địa chỉ : **Khu Phố Suối Nhum- Phường Hắc Dịch- Thị Xã Phú Mỹ – Tỉnh BRVT**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3500640966 (thay đổi lần 10) cấp ngày 03/11/2021

## **I. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỌP**

### **A. Chương trình họp**

1. Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng thường niên 2022 của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm :

Ông : Hoàng Văn Thái                      Trưởng ban kiểm soát

Bà : Trần Thị Cảnh                          Cổ đông tham dự

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra giấy tờ hợp lệ chứng minh tư cách của các cổ đông tham dự trực tiếp và người nhận uỷ quyền tham dự theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là 28/03/2022 do VSD lập.

Kết quả : Tính đến 8 giờ 00 ngày 28/04/2022. Số cổ đông sở hữu/ uỷ quyền sở hữu có đủ tư cách tham gia dự họp là : 61 người , đại diện cho số cổ phần sở hữu là : 5.938.605 cổ phần, chiếm tỷ lệ 65.73 %/ 9.034.451 cổ phần có quyền biểu quyết

Như vậy Đại hội đồng cổ đông có đủ điều kiện tiến hành phiên họp.



## Bầu đoàn chủ tịch, thư ký và ban kiểm phiếu

### 1.1. Chủ tọa phiên họp

Ông Dư Quốc Trung

Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

### 1.2. Bầu thư ký cuộc họp.

Bà Trần Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Thúy Loan

DHĐCĐ dự họp đồng ý 100% với thành phần thư ký

### 1.3. Ban kiểm phiếu biểu quyết.

Ông Hoàng Văn Thái

Trưởng ban

Ông Phạm Văn Hậu

Thành viên

Bà Trần Thị Cảnh

Thành viên

DHĐCĐ dự họp đồng ý 100% với thành phần ban kiểm phiếu.

## 2. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Dư Quốc Trung chủ tọa cuộc họp thông qua chương trình, nội dung tại đại hội. Đại hội đã nhất trí tán thành 100% với chương trình họp, nội dung đã gửi đến cổ đông theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đăng tải trên website công ty từ ngày 05/04/2022

## B. Các Nội dung Đại Hội :

1. Ông Nguyễn Hữu Quang - Thành viên HĐQT độc lập trình bày báo cáo của HĐQT.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng giám đốc trình bày báo cáo của Ban điều hành.
3. Ông Hoàng Văn Thái - Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo của Ban kiểm soát.
4. Ông Nguyễn Thế Đô – Báo cáo tiến độ đầu tư dự án Nhà máy gạch ngói cao cấp Mỹ xuân – Châu Đức.
5. Ông Nguyễn Văn Sơn - Trình các nội dung biểu quyết.

## 1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2021	So sánh % thực hiện với	
	Năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	250.726.509.754	85,35%	80,84%
Giá vốn hàng bán	181.561.142.035	146.758.015.312	168.224.305.110	87,24%	80,83%
Lợi nhuận gộp	83.168.300.772	67.239.104.951	82.502.204.644	81,50%	80,85%

Doanh thu HĐTC	293.353.520	383.011.607	150.000.000	255,34%	130,56%
Chi phí kinh doanh	48.408.011.113	38.322.781.508	50.622.204.644	75,70%	79,17%
Lợi nhuận kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	32.030.000.000	91,47%	83,58%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441			-14,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	32.030.000.000	91,82%	85,70%
Thuế thu nhập DN	7.254.254.887	5.962.761.838	6.406.000.000	93,08%	82,20%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	25.624.000.000	91,50%	86,64%

## 2. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	142.713.381.102	154.063.880.521	7,95%
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	-19,16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	-16,42%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441	-114,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	-14,30%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	-13,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	26%	30,00%
- Thanh toán Đợt 2/2019 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 1/2020 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 2/2020 (chia cổ phiếu tăng VDL)		20%	
- Thanh toán Đợt 1/2021 (thanh toán bằng tiền)		6%	



### 3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	
<b>I</b>	<b>Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>48.401.700.441</b>			
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		24.956.075.788			
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN phát sinh năm 2021		23.445.624.653			
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>34.546.831.711</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
<b>1</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021</b>		<b>11.750.989.257</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
1.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.2	Chi cổ tức	55,9%	5.420.670.600	7.679.283.350	13.099.953.950	
1.2.1	- Bằng tiền (Đợt 1:6% VDL)	23,1%	5.420.670.600		5.420.670.600	
1.2.2	- Bằng tiền(Đợt 2:8,5% VDL)	32,8%		7.679.283.350	7.679.283.350	
1.3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	4.689.124.931		4.689.124.931	
1.4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	0	586.140.616	586.140.616	

1.5.1	- Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	2,5%		586.140.616	586.140.616	
1.5.2	- Trích thưởng (40 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2021)	0,0%			0	
1.6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	234.456.247		234.456.247	
2	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</b>		<b>22.795.842.454</b>			
2.1	Trích quỹ Thưởng HĐQT, BKS, BDH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2021 ngày 28/04/2021		113.857.394			Thưởng hoàn thành KHLN 2020
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		10.628.170.000			Tăng vốn điều lệ
2.3	Chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:50 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		12.053.815.060			Tăng vốn điều lệ
III	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>13.854.868.730</b>	<b>3.429.211.430</b>	<b>5.589.444.764</b>	

1	- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		2.160.233.334		2.160.233.334	
2	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	14,6%	11.694.635.396	3.429.211.430	3.429.211.430	3.663.667.677

#### 4. Kết quả đầu tư phát triển năm 2021.

\* Giá trị đầu tư năm 2021:

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Tên công trình, thiết bị	Giá trị kế hoạch		Thực hiện 2021	
		XDDD kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Giá trị hoàn thành sử dụng	XDDD cuối kỳ
<b>A</b>	<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>		<b>1.250.000.000</b>	<b>97.000.000</b>	
1	Sửa lò (Nung, sấy+ Mini ngói)		800.000.000		
2	Nền sân, nhà xưởng, mương thoát..v..v		300.000.000		
3	Các công việc sửa chữa khác		150.000.000	97.000.000	
	- Máy ủi D155			97.000.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>24.265.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>
<b>I</b>	<b>Mở sét, Nhà máy sản xuất tại Mỹ Xuân</b>	<b>1.277.548.829</b>	<b>20.465.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	
1	Lò sấy ngói DC1	106.562.870		106.562.870	
2	Hệ nghiền khô	1.170.985.959	14.190.563.000	13.395.118.144	
2.1	Thiết bị, lắp đặt	416.440.504	8.683.559.496	8.256.603.598	
	- Móng và thân hệ nghiền khô	416.440.504		416.440.504	
	- Hệ băng tải			224.648.958	
	- Hệ máy nghiền khô			7.615.514.136	
2.2	Trạm biến áp 800KVA và đường dây 22KV	754.545.455		754.545.455	

2.3	Mặt bằng, nhà bao bao che bãi chứa		4.284.000.000	4.383.969.091	
6	Nhà xưởng nối dài dây chuyền 3		900.000.000		
7	Nhà xưởng DC 2		648.000.000	682.640.000	
8	Xe cuốc 1.2 m3 (Xe đào)		1.500.000.000	1.131.818.182	
9	Xe xúc Komatsu 2,5 m3		1.300.000.000		
10	Xe ben chở đất nghiền		1.300.000.000	1.343.040.909	
11	Xe nâng 3.5 T		350.000.000		
12	Máy phay CNC + máy cắt dây		900.000.000	540.000.000	
13	Máy ép cường độ gạch		100.000.000		
14	Khác		500.000.000		
<b>II</b>	<b>Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức</b>	<b>2.214.681.818</b>	<b>3.800.000.000</b>		<b>42.933.486.489</b>
1	Chi phí khảo sát lập bản đồ hiện trạng nhà máy	30.500.000			30.500.000
2	Chi phí khôi phục tọa độ, cắm mốc ranh giới (cắm 86 mốc)	43.272.727			43.272.727
3	Chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	2.000.000.000			2.000.000.000
4	Đường vào Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (khảo sát địa hình, lập BC KT-KT)	140.909.091			140.909.091
5	Nhà điều hành Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		300.000.000		181.953.164
6	Đường vào nhà máy (đất chuyển nhượng từ hộ dân)		3.500.000.000		2.677.500.000

11/11/2014

7	Hạng mục đầu tư (theo Tổng dự toán đã thông qua ĐHCĐ 28/04/21)				37.859.351.507
	- Đất chuyển nhượng (từ hộ dân)				9.342.553.000
	- Chuyển nhượng DA Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (*)				10.608.754.000
	- Chuyển nhượng DA Nhà máy gạch ngói Châu Đức(*)				17.759.863.413
	- Chi phí Ban quản lý dự án				148.181.094
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>25.515.559.496</b>	<b>17.296.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>

(\*) Đây là khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến việc thực hiện chuyển nhượng Dự án Mỏ Sét; Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân..

**\* Đầu tư tài chính :**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu là 20.000 Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,500%/năm (năm 2020: 7,525%/năm).

**5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
<b>I. Sản lượng sản xuất</b>	<b>Viên QTC</b>	<b>74.575.873</b>
<b>II. Sản lượng tiêu thụ</b>		
- Gạch xây dựng	Viên QTC	61.839.680
- Sản phẩm trang trí	Viên QTC	12.736.193
- Ngói màu	Viên QTC	3.100.000
- Sản phẩm trang trí thương mại	Viên QTC	389.600
- Sản phẩm tráng men	Viên QTC	459.000
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần (gồm doanh thu khác)	Đồng	235.000.000.000

Lợi nhuận trước thuế	Đồng	32.030.000.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25.624.000.000

## 6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nguồn lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>31.213.444.764</b>	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022		25.624.000.000	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>21.110.757.000</b>	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	512.480.000	
3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	5.124.800.000	
4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	512.480.000	
5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	640.600.000	
6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	512.480.000	
7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	256.240.000	
8	Chi cổ tức bằng tiền (10% VDL sau phát hành cổ phiếu)	52,9%	13.551.677.000	VDL dự kiến sau phát hành: 135.579.230.000VND
<b>III</b>	<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>			
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>10.102.687.764</b>	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	17,6,0%	4.513.243.000	2.733.824.424

## 7. Kế hoạch Đầu tư phát triển 2022 :

\* Đầu tư xây dựng tại Nhà máy sản xuất Mỹ Xuân.

Đơn vị tính : Ngàn đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Sửa chữa</b>		1		<b>450.000</b>	
1	Nền sân, nhà xưởng, mương thoát..v..v	Hệ	1	300.000	300.000	
2	Các công việc sửa chữa khác	Hệ	1	150.000	150.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>				<b>6.324.000</b>	
1	Hệ thống thoát nước DC1				1.294.000	
2	Nhà xưởng nối dài DC3	m2	1200	800	960.000	
3	Xe xúc 2,5 - 3 m3	Cái	1	1.300.000	1.300.000	
4	Xe nâng 3.5 T	Cái	1	350.000	350.000	
5	Máy nén khí trục vít 30HP	Cái	1	120.000	120.000	
6	Máy phát điện 400 KVa	Cái	1	700.000	700.000	
7	Xi-lông lọc bụi hệ nghiền khô	Cái	1	600.000	600.000	
8	Máy cắt dây	Cái	1	400.000	400.000	
9	Máy ép cường độ gạch	Cái	1	100.000	100.000	
10	Khác				500.000	
<b>Tổng cộng (A + B)</b>					<b>6.774.000</b>	

\* Đầu tư xây dựng dự án Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức.

Đơn vị tính : đồng

Khoản mục		ĐVT	Ghi chú	Giá trị (có thuế)
<b><u>Phần A- Nhà máy</u></b>				
1	Chi phí xây dựng, thiết bị			<b>130.001.231.444</b>
	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ		Theo bảng dự toán	

			chi phí xây dựng	73.861.231.444
	Chi phí thiết bị		Theo bảng dự toán chi phí thiết bị	56.140.000.000
<b>2</b>	<b>Chi phí ban quản lý dự án</b>			<b>1.150.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>8.350.000.000</b>
	Chi phí đào tạo			200.000.000
	Chi phí chạy thử thiết bị CBTH và sấy lò			300.000.000
	Chi phí nghiệm thu, bàn giao, quyết toán			100.000.000
	Chi phí xin cấp điện, nước			50.000.000
	Chi phí lập hồ sơ hoàn công, tổng quyết toán			100.000.000
	Chi phí hệ thống PCCC			1.500.000.000
	Lãi vay trong thời gian xây dựng			6.100.000.000
<b>4</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		Theo Chi phí Xây dựng	<b>6.500.000.000</b>
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>A</b>		<b>146.001.231.444</b>
<b><u>Phần B- Mô sét</u></b>				
<b>1</b>	Chi phí xây dựng Đường mô sét		Hợp đồng số 25/HĐXD.GMX.2021	11.199.656.000
<b>2</b>	Chi phí quản lý dự án		Theo Chi phí Xây dựng	359.409.731
<b>3</b>	Chi phí dự phòng		Theo Chi phí Xây dựng	133.943.582
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>B</b>		<b>11.693.009.313</b>
<b>Tổng giá trị đầu tư ( A + B )</b>				<b>157.694.240.757</b>

**8. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.**

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2022 là : 920.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi triệu đồng).

**9. Thông qua mức thưởng HĐQT, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty Ban điều hành gồm: Ban Tổng Giám Đốc – Kế Toán Trưởng – Trưởng phó các Phòng Ban Xưởng SX**



Nội dung thưởng	Mức thưởng
a. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2022	2.5% Lợi nhuận sau thuế
b. Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2022	40% Lợi nhuận vượt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế)

#### 10. Thông qua danh sách giao dịch với các Công ty liên quan.

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Loại hình giao dịch
01	Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Mã số : 3500870374; Đ/c KP Suối nhum, Phường Hắc dịch, TX Phú mỹ, BRVT	Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng và mua bán sản phẩm
02	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Mã số : 3400518578; Đ/c Thôn An bình, Xã Sông phan, Huyện Hàm tân, Tỉnh Bình Thuận	Cung cấp phụ tùng vật tư và mua bán sản phẩm
03	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Gia Thy	Mã số : 0302999130; Đ/c 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
04	Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Mã số : 3501751524; Đ/c 40/6/1B Đường Lê Hồng Phong, P4 TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm
05	Công Ty TNHH ĐT TM DV Lưu Kiến Lộc	Mã số : 3502255409, Đ/c Tổ 22 ấp thị vải, phường mỹ xuân, thị xã phú mỹ, tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm

#### 11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.

Giao quyền chủ động Ban Kiểm Soát xem xét giới thiệu đơn vị có chức năng nằm trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán niêm yết của UBCK Nhà nước công nhận.

#### 12. Thông qua tờ trình chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng Vốn Điều lệ năm 2022

- Thời gian dự kiến phát hành từ quý III đến quý IV năm 2022

#### 13. Sửa đổi điều lệ.

- Điều chỉnh vốn điều lệ từ 53.206.940.000 đồng lên 90.406.970.000 đồng.
- Điều chỉnh ngành nghề đăng ký đầu tư mã số 4659 cụ thể.

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh
5	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)

## II. THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Đại hội thảo luận các vấn đề vừa trình bày như sau:

### Ý kiến của các cổ đông

#### 1. Cổ đông : Ông TRẦN THANH HẢI – SCD : 062

- Sản lượng tiêu thụ của Công ty có xuất khẩu hay chưa? Nếu có xuất khẩu thì cho biết sản lượng bao nhiêu?
- Cổ phiếu đầu tư nắm giữ lâu dài nên quan tâm đến chính sách cổ tức dài hạn
- Thời hạn cấp phép mỏ đến khi nào? Nguồn nguyên liệu đất sét sử dụng lâu dài ?
- Lãnh đạo cho biết doanh thu tăng nhưng sao lợi nhuận lại giảm so với năm trước?
- Chuyển đổi số là 1 trong những mục không thể bỏ qua, nên triển khai càng sớm càng tốt, nên tham khảo nhiều chương trình tư vấn.

#### 2. Cổ đông : Ông PHAN HOÀNG TUẤN SCD : 011

- Năm 2021 thành quả đáng khích lệ nhưng theo báo cáo vẫn không hoàn thành theo kế hoạch -> Nên xem lại chỉ tiêu thưởng khích lệ (Nên thưởng hệ số 1%)
- Tình hình chung hiện nay đang rất khan hiếm nguồn nhân lực vì vậy nên xem xét đẩy mạnh các mô hình tự động hóa. Tôi có thể liên hệ với các công ty chuyên cung cấp các dịch vụ, quy trình tự động hóa.
- Nên áp dụng việc tiếp thị online và bán hàng online để đưa sản phẩm GMX đến gần nhất người tiêu dùng -> chúng ta sẽ chủ động được nguồn tiêu thụ, không bị động đến hệ thống bán hàng trong tương lai.
- Nên áp dụng chữ ký số trong việc quản trị nội bộ.
- Thương hiệu Mỹ Xuân là tài sản của công ty nên được bảo hộ và đặt ra quy trình sử dụng cho phù hợp.
- Việc gia tăng cổ phiếu phải được gắn liền gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Nên có chính sách quản trị mỏ. Mỏ sét sau khi khai thác xong nên có chính sách chuyển đổi thành khu nhà ở công nhân hoặc hình thức khác...
- Quyết toán chi phí của dự án chuẩn bị đầu tư : Nên thông qua kiểm toán giá trị.
- Cơ chế về xây dựng nên theo cơ chế đấu thầu.
- Cho biết thời gian, chủ trương và các chi phí của giai đoạn chuẩn bị dự án.

### 3. Cổ đông : Ông TRẦN TRỌNG TRÍ - SCD 060

- Công tác tuyển dụng nhân sự mới sau dịch rất khó khăn, việc nhân sự hiện tại có đồng ý qua Nhà máy Châu Đức hay ko?
- Sản lượng sản xuất NM mới là bao nhiêu? khả năng tiêu thụ có đáp ứng hết sản lượng sản xuất hay ko?
- Những rủi ro khi đầu tư nhà máy mới, đầu tư có thành công hay ko?
- Sản lượng tiêu thụ đang bị khan hiếm sao ko phát triển đến các tỉnh miền trung
- Lợi nhuận sau thuế tăng nhiều so với quý 1 năm trước là do Cty hoạt động hiệu quả -> sao ko chỉnh kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2022 tăng lên.
- Doanh thu tăng nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng .

### 4. Cổ đông : Ông NGUYỄN XUÂN THÀNH – SCD 037

- Kế hoạch quý 1/2022 doanh thu 50 tỷ lợi nhuận 7.5 tỷ -> xem lại lợi nhuận 3 quý còn lại. Ban Lãnh Đạo nên xem xét lại kế hoạch doanh thu và lợi nhuận
- Nên xây dựng tầm nhìn đến năm 2030 vì theo anh Sơn báo cáo thời hạn NM hiện tại đến năm 2026.
- Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ phục vụ NM Châu Đức nên để mệnh giá 10.000 đồng/CP.

#### ***Giải Trình Của HĐQT – Ban TGD***

1- Ông : NGUYỄN VĂN SƠN – TGD

Trả lời ý kiến anh Hải :

- Hiện tại tiêu thụ qua 2 kênh phân phối : Thị trường Trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu 3 nước : Ấn Độ, Hàn Quốc, Campuchia thông qua đại lý và công ty. Hiện tại Công ty đang ký hợp đồng trực tiếp với Ấn Độ và Campuchia chiếm khoảng 10-15%. Hàng tháng xuất khoảng 5- 6 container theo yêu cầu của khách hàng.
- Cổ tức năm 2022 chia 10% là tương đương 25% theo vốn điều lệ cũ.
- Vấn đề khai thác sét mỏ mỹ xuân 1 mở rộng hiện tại đến 2026 hết thời hạn thuê. Hiện nay Công ty chưa làm công văn xin gia hạn..
- Hiện tại Công ty đang thuê tư vấn để có hình thức chuyển đổi.
- Mỏ Châu Đức thời hạn 30 năm, nhà máy Châu Đức thời hạn 50 năm.
- Ngày 19/4/2022 HĐQT đã họp, phân tích và đưa ra định hướng Quý 1,2 sẽ rất khó khăn, xăng dầu tăng, vật liệu đầu vào tăng, giá bán không tăng nhiều nên dẫn đến doanh thu tăng nhưng lợi nhuận bị hạn chế. Vì vậy doanh thu 235 tỷ , Lợi nhuận = 2021 là 22.6 tỷ.

Trả lời Ý kiến anh Tuấn:

- Vấn đề mức thưởng ban điều hành nên xem xét giữ nguyên 2,5% nhằm động viên BĐH cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.
- Nhân sự vẫn giữ nguyên mà công suất tăng lên rất nhiều là do Công ty đã có áp dụng Robot và cơ giới hóa.
- Việc bán hàng sẽ cố gắng làm tốt hơn nữa công tác xúc tiến bán hàng
- Ghi nhận tất cả ý kiến anh Tuấn Công ty sẽ thay đổi trong thời gian tới

Trả lời Ý kiến anh Trí:

- Về nhân sự Công ty đã và đang đào tạo một số cán bộ quản lý để chuẩn bị cho nhà máy mới. Nguồn lao động phổ thông ưu tiên tuyển dụng tại địa phương, công ty có kế hoạch sẽ xây dựng nhà ở cho công nhân.
- Công suất nhà máy 2 lò, mỗi lò khoảng 40-50 triệu viên, mô hình theo như GMX. Trước tiên xây dựng 1 dây chuyền, sau khi có sản phẩm, tiêu thụ BGD sẽ đánh giá lại thị trường và có kế hoạch sau.
- Thị trường : Nhà máy hiện tại hoạt động hết công suất và chỉ đáp ứng được 60% thị trường các tỉnh phía Nam, vẫn còn 40% không đủ sản lượng tiêu thụ nên cty ko mở rộng ra các tỉnh Miền Trung.
- Hiệu quả lợi nhuận quý 1 là 7,5 tỷ tăng so với năm 2021 là do SPTT tăng, giá bán tăng, doanh thu tăng.

Trả lời Ý kiến anh Thành :

- Hàng tồn kho không còn nên không thể tăng doanh thu được, mặc dù sản xuất tối đa hết công suất.
- Tầm nhìn và định hướng dài hạn của công ty là đang tập trung vào nhà máy Châu Đức.
- Anh Quang TV.HĐQT đã hỗ trợ công ty rất nhiều trong vấn đề xây dựng nhà máy Châu Đức.
- Giá cổ phiếu chuẩn bị phát hành theo căn cứ số liệu kế toán, căn cứ theo giá bình quân trên sàn GDCK.

## 2- Ông Dư Quốc Trung

- Vấn đề tự động hóa đã có thực hiện 1 số hạng mục dưới xưởng SX như Robot, cơ giới hóa... Tuy nhiên Công ty cũng sẽ tìm hiểu và tiếp cận thêm .

## 3- Ông Nguyễn Văn Hiếu - PTGD:

- Hiện tại Công ty đã đầu tư 2 Robot phục vụ cho 2 dây chuyền sản xuất , nhờ có Robot mà trong mùa dịch, công nhân hạn chế đi làm mà sản xuất vẫn đáp ứng đủ công suất để có sản phẩm tồn kho sau dịch tiêu thụ. Đáp ứng được thu nhập cho người lao động.
- Mục tiêu tự động hóa cổ đông đưa ra công ty sẽ cố gắng tiếp cận và tìm hiểu thêm sẽ cố gắng hoàn thiện đưa vào vận hành càng sớm càng tốt.

## III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

Đại hội đồng cổ đông Công Ty cổ phần gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân tiến hành biểu quyết các nội dung sau:

Số nội dung	NỘI DUNG ĐƯỢC ĐHĐCĐ BIỂU QUYẾT	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung 1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021	100%		
Nội dung 2	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.	100%		
Nội dung 3	Kết quả phân phối lợi nhuận 2021	100%		
Nội dung 4	Kết quả đầu tư phát triển năm 2021	100%		

Nội dung 5	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	100%		
Nội dung 6	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	100%		
Nội dung 7	Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022	100%		
Nội dung 8	Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2022	100%		
Nội dung 9	Mức thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành khi hoàn thành và vượt kế hoạch LN năm 2022.	100%		
Nội dung 10	Danh sách giao dịch với các công ty liên quan	100%		
Nội dung 11	Giao Trưởng Ban kiểm soát tư vấn cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán năm 2022	100%		
Nội dung 12	Thông qua tờ trình chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng Vốn Điều lệ năm 2022	100%		
Nội dung 13	Sửa đổi điều lệ, điều chỉnh vốn, điều chỉnh ngành nghề đăng ký đầu tư mã số 4659.	100%		

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11<sup>h</sup>45 cùng ngày. Biên bản cuộc họp được đọc lại cho các cổ đông trong cuộc họp cùng nghe, cùng nhất trí thông qua 100%. Biên bản này được lập thành 05 bản, lưu văn phòng 01 bản.



**THƯ KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Bích

Nguyễn Anh Tuấn

**CHỦ TỌA**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**DƯ QUỐC TRUNG**